TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **236/**2026/QĐST-HNGĐ	*Huế, ngày 29 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý 245/2026/TLST- HNGĐ Ngày 11 tháng 6 năm 2026, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông Vũ Ngọc T, sinh năm 1968; Căn cước công dân số 024068013XXX, cấp ngày 17/12/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội- Bộ Công an; Nơi cư trú: Tổ dân phố A, thôn T, phường V, tỉnh Bắc Ninh. Địa chỉ liên hệ: Số B đường N, phường P, thành phố Huế.

- Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1977; Căn cước công dân số 046177011XXX, cấp ngày 09/8/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội- Bộ Công an; Nơi cư trú: Số C đường N, Tổ D, phường P, thành phố Huế.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 6 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 6 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Vũ Ngọc T và bà Nguyễn Thị H.

2/ Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung và việc nuôi con: Ông Vũ Ngọc T và bà Nguyễn Thị H công nhận vợ chồng có 02 người con chung là Vũ Nguyễn Thục M, sinh ngày: 06/10/2009 và Vũ Nguyễn Nhã M1, sinh ngày: 04/10/2017. Hai bên thỏa thuận

giao cho bà Nguyễn Thị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai cháu Vũ Nguyễn Thục M và Vũ Nguyễn Nhã M1 cho đến khi trưởng thành, ông Vũ Ngọc Tài không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

2.2. Về tài sản chung: Ông Vũ Ngọc T và bà Nguyễn Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

2.3. Về nợ chung: Ông Vũ Ngọc T và bà Nguyễn Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

2.4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Vũ Ngọc T và bà Nguyễn Thị H thỏa thuận ông Vũ Ngọc T chịu 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà ông Vũ Ngọc T đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án có kí hiệu BLTU/26E, số 0001974 ngày 10/6/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Huế, ông Vũ Ngọc T đã nộp đủ.

Hoàn trả lại cho ông Vũ Ngọc T số tiền tạm ứng án phí chênh lệch là 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP Huế;
- VKSND TP Huế;
- VKSND khu vực 4 - Huế;
- THADS TP Huế;
- Phòng THADS khu vực 4 - Huế;
- Các đương sự;
- UBND phường P, thành phố Huế (đăng ký kết hôn ngày 05/12/1996);
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

THẨM PHÁN

Trần Ngọc Tú